

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:19/2023/HSST
Ngày 23-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình La.

Bà Hoàng Thị Hanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng, Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Thành Văn K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1999; nơi cư trú: TDP G, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thành Văn Đ (Đã chết) và bà Đoàn Thị N; có vợ là Tạ Lan A và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 ngày 01/02/2019 của Phòng PC04 Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 05/8/2019 đã nộp phạt xong. Bị tạm giữ ngày 11/11/2022 đến ngày 19/11/2022 được thay thế biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Thanh Tùng D1, sinh năm 1996; nơi cư trú: TDP M, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Anh D2, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Phùng Việt P1, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn GM, xã HĐ, huyện

TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Dương Đức H2, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn DS, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Lê Văn V, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn HĐ, xã AH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Hồng P2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã AH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã AH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thành Văn K làm nghề tự do, không đăng ký kinh doanh ngành nghề cầm cố tài sản. Thông qua mạng xã hội Internet K đã tìm hiểu và biết về việc cho vay tiền trong giao dịch dân sự với lãi suất cao. K đã nảy sinh ý định cho người thân, bạn bè vay tiền với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi có người vay tiền thì gặp K để thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, không phải cầm cố tài sản, giấy tờ gì. Sau khi thỏa thuận xong, K yêu cầu người vay tự viết 01 giấy biên nhận vay tiền theo mẫu và ký xác nhận rồi đưa cho K giữ. Sau đó, K trừ tiền lãi của người vay theo thời hạn vay vào tiền gốc vay và giao số tiền gốc còn lại cho người vay. Sau đó, K viết thông tin về người vay, số tiền vay, ngày vay, lãi suất vay và ngày phải trả số tiền gốc vào sổ theo dõi vay tiền của K rồi cất giấy biên nhận vay tiền vào phong bì thư ghi theo từng người vay. Đến thời hạn trả tiền gốc, nếu người vay chưa trả được tiền gốc thì K sẽ tiếp tục gia hạn thời hạn vay, khi này người vay phải trả cho K tiền lãi cho thời hạn vay tiếp theo. Đến khi người vay trả hết tiền gốc, tiền lãi thì K trả cho người vay giấy biên nhận vay tiền.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2022, với hình thức cho vay tiền như trên, K đã cho tổng cộng 12 người vay tiền với mức lãi suất trên 05 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) để thu lợi bất chính. Trong đó có 01 người thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng, 11 người K thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ. Tổng số tiền cho vay là 89.000.000đ, tổng số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 5.758.904đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 37.281.096đ, cụ thể:

Người vay tiền với mức lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính trên 30.000.000đ (01 người), cụ thể:

Ngày 12/10/2020, Thành Văn K cho anh Lê Thanh Tùng D1, nơi thường trú: TDP M, thị trấn H, huyện TD vay số tiền 50.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 146%/năm). Sau đó, anh D1 gia hạn thời hạn vay 16 lần, đến ngày 19/4/2021, anh D1 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh D1 là 38.000.000đ trong 190 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là: 5.205.479đ, thu lợi bất chính số tiền 32.794.521đ.

Người vay tiền với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng (11 người), cụ thể:

1. Ngày 18/02/2020, Thành Văn K cho Phạm Khương D3, nơi thường trú: TDP M, Thị trấn HH, huyện TD vay số tiền 5.000.000đ trong 20 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Sau đó, anh D3 gia hạn thời hạn vay 03 lần, đến ngày 07/5/2020 anh D3 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh D3 là 2.000.000đ trong 80 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 219.178đ, thu lợi bất chính số tiền 1.780.822đ.

2. Ngày 07/9/2020, Thành Văn K cho một người tên là T không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ vay số tiền 3.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 146 %/năm). Đến ngày 16/9/2020, T đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của T là 120.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 16.438đ, thu lợi bất chính số tiền 103.562đ.

3. Ngày 25/3/2021, Thành Văn K cho anh Hoàng Văn L, nơi thường trú: TDP LB, thị trấn H, huyện TD vay số tiền 4.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 146%/năm). Đến ngày 03/4/2021, anh L đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh L là 160.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 21.918đ, thu lợi bất chính số tiền 138.082đ.

4. Ngày 10/5/2021, Thành Văn K cho anh Nguyễn Anh D2, nơi thường trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD vay số tiền 3.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Sau đó, anh D2 gia hạn thời hạn vay 05 lần, đến ngày 08/7/2021 anh D2 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh D2 là 900.000đ trong 60 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 98.630đ, thu lợi bất chính số tiền 801.370đ.

5. Ngày 29/5/2021, Thành Văn K cho anh Nguyễn Hồng P2, nơi thường trú: Thôn ĐL, xã AH, huyện TD vay số tiền 3.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Sau đó, anh P2 gia hạn thời hạn vay 01 lần, đến ngày 17/6/2021 anh P2 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh Phi là 300.000đ trong 20 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 32.877đ, thu lợi bất chính số tiền 267.123đ.

6. Ngày 01/8/2021, Thành Văn K cho một người tên là C2 không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ vay số tiền 2.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 146%/năm). Đến ngày 10/8/2021, C2 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của C2 là 80.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 10.959đ, thu lợi bất chính số tiền 69.041đ.

7. Ngày 19/01/2022, Thành Văn K cho anh Nguyễn Văn H1, nơi thường trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD vay số tiền 3.000.000đ trong 30 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Đến ngày 18/02/2022, anh H1 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh H1 là 450.000đ trong 30 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 49.315đ, thu lợi bất chính số tiền 400.685đ.

8. Ngày 13/7/2022, Thành Văn K cho anh Phùng Việt P1, nơi thường trú: Thôn GM, xã HĐ, huyện TD vay số tiền 2.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 6.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 219%/năm). Đến ngày 22/7/2022, anh P1 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh P1 là 120.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 10.959đ, thu lợi bất chính số tiền 109.041đ.

9. Ngày 03/8/2022, Thành Văn K cho anh Dương Đức H2, nơi thường trú: Thôn DS, xã HĐ, huyện TD vay số tiền 5.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Đến ngày 12/8/2022, anh H2 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh H2 là 250.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 27.397đ, thu lợi bất chính số tiền 222.603đ.

10. Ngày 29/10/2022, Thành Văn K cho anh Nguyễn Văn C1, nơi thường trú: Thôn ĐL, xã AH, huyện TD vay số tiền 6.000.000đ trong 10 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Đến ngày 07/11/2022, anh C1 đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho K. K đã thu số tiền lãi của anh C1 là 300.000đ trong 10 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 32.877đ, thu lợi bất chính số tiền 267.123đ.

11. Ngày 08/11/2022, Thành Văn K cho anh Lê Văn V, nơi thường trú: Thôn HĐ, xã AH, huyện TD vay số tiền 3.000.000đ trong 20 ngày, lãi suất vay thỏa thuận là 6.000đ/1.000.000đ/01 ngày vay (Tương đương với mức lãi suất 219%/năm). K đã thu số tiền lãi của anh V là 360.000đ trong 20 ngày, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 32.877đ, thu lợi bất chính số tiền 327.123đ. Anh V chưa trả tiền gốc cho K.

Ngày 10/11/2022, Công an thị trấn HH, huyện TD báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD, về hoạt động của Thành Văn K có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại địa phương. Cùng ngày, anh Lê Văn V, sinh năm 2003 ở thôn HĐ, xã AH, huyện TD có đơn tố giác Thành Văn K đến cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện TD, về việc K có hành vi cho vay lãi nặng đối với anh, đến ngày 25/12/2022, anh V tự nguyện giao nộp lại số tiền gốc vay K 3.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã triệu tập Thành Văn K để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ 15 phong bì thư, trong đó có 12

phong bì thư có thông tin người vay, số tiền vay phù hợp với sổ ghi chép, trong số phong bì thư này có 02 phong bì thư bên trong mỗi phong bì đựng 01 giấy vay tiền của Nguyễn Văn H1 và 01 giấy vay tiền của Lê Văn V; 03 phong bì thư chưa sử dụng không có chữ viết; 01 quyển sổ bìa màu xanh đã qua sử dụng, bên trong có 06 trang có chữ viết và số liên quan đến việc cho vay; 05 giấy biên nhận vay tiền theo mẫu để trống thông tin.

Ngày 10/11/2022, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Thành Văn K ở TDP G, thị trấn HH, huyện TD. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với anh Phạm Khương D3, anh Hoàng Văn L, người có tên là T và C2 là những người vay tiền của Thành Văn K, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã triệu tập anh D3 và anh L để làm rõ nội dung vay tiền của K nhưng anh D3, anh L vắng mặt tại địa phương. Thành Văn K khai nhận không rõ tên, địa chỉ cụ thể của T và C2. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ được trong sổ sách và phong bì thư thể hiện K cho D3, L và 02 đối tượng T và C2 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nên xác định K có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với anh Phạm Khương D3, anh Hoàng Văn L, người có tên là T và C2 như đã nêu ở trên.

Vật chứng vụ án: 15 phong bì thư (Trong đó 12 phong bì thư có chữ viết và số; 03 phong bì thư mới nguyên); 01 quyển sổ bìa màu xanh có 06 trang giấy ghi nhận việc Thành Văn K cho vay lãi nặng; 02 giấy vay tiền của Nguyễn Văn H1 và Lê Văn V; 05 giấy biên nhận vay tiền theo mẫu để trống thông tin.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSTD ngày 16/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo Thành Văn K về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thành Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt Thành Văn K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 19/11/2022 là 27 ngày (09 ngày tạm giữ quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt Thành Văn K từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 15 phong bì thư (Trong đó 12 phong bì thư có chữ viết và số; 03 phong bì thư mới nguyên); 01 quyển sổ bìa màu xanh có 06 trang giấy ghi nhận việc Thành Văn K cho vay lãi nặng; 02 giấy vay tiền của

Nguyễn Văn H1 và Lê Văn V; 05 giấy biên nhận vay tiền theo mẫu để trống thông tin.

- Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước số tiền 89.000.000đ của Thành Văn K sử dụng là phương tiện phạm tội (trong đó có 3.000.000đ tiền gốc K cho anh Lê Văn V vay, anh V chưa trả cho K, anh V đã nộp cho Cơ quan điều tra) và 5.758.904đ tiền phát sinh từ tội phạm. Thành Văn K còn phải nộp tiếp số tiền là 91.758.904đ.

- Buộc Thành Văn K trả lại cho 08 người đã vay tiền của K số tiền lãi K thu lợi bất chính của những người vay số tiền là 35.189.589 đồng, gồm trả cho anh Lê Thanh Tùng D1 số tiền 32.794.521đ; anh Nguyễn Anh D2 số tiền 801.370đ; anh Nguyễn Hồng P2 số tiền 267.123đ; anh Nguyễn Văn H1 số tiền 400.685đ; anh Phùng Việt P1 số tiền 109.041đ; anh Dương Đức H2 số tiền 222.603đ; anh Nguyễn Văn C1 số tiền 267.123đ và anh Lê Văn V số tiền 327.123đ.

- Đối với số tiền 2.091.000 đồng Thành Văn K thu lợi bất chính đối với anh Phạm Khương D3, anh Hoàng Văn L, đối tượng tên là T, C2, buộc K phải trả lại. Tuy nhiên, do anh D3, anh L vắng mặt tại địa phương; người tên là T, C2 không xác định được lai lịch nên đề nghị xử lý sau.

Bị cáo K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Thành Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố. Bị cáo không có lợi bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Thành Văn K làm nghề tự do, thông qua mạng xã hội Internet, K đã tìm hiểu và biết về việc cho vay tiền trong giao dịch dân sự với lãi suất cao, để thu lợi bất chính. K đã nảy sinh ý định cho người thân, bạn bè vay tiền với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. Thành Văn K cho vay lãi suất cao từ 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày đến 6.000đ/ 1.000.000đ/01 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 146%/năm đến 219%/năm (*Gấp từ 7,3 lần đến 10,95 lần*), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/01 năm), để thu lợi bất chính. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến tháng 11/2022, K đã sử dụng số tiền gốc là: 89.000.000đ cho 12 người vay để

thu về số tiền lãi là 43.040.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/01 năm) là 5.758.904đ, thu lợi bất chính số tiền 37.281.096đ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, do anh Phạm Khương D3, anh Hoàng Văn L không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không làm việc được với anh D3, anh L, không xác định được lai lịch của người tên là T, tên là C2 để xác định tiền gốc, tiền lãi suất vay đối với khoản tiền Thành Văn K cho anh D3, anh L, người tên là T, tên là C2 vay, nên chưa xác định được giao dịch này thuộc trường hợp cho vay lãi nặng, nên chưa đủ căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với Thành Văn K về khoản vay này. Do vậy, chỉ có căn cứ xác định Thành Văn K đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 08 người vay gồm: Anh Lê Thanh Tùng D1, anh Nguyễn Anh D2, anh Nguyễn Hồng P2, anh Nguyễn Văn H1, anh Phùng Việt P1, anh Dương Đức H2, anh Nguyễn Văn C1 và anh Lê Văn V với tổng số tiền gốc K cho vay là 75.000.000đ; số tiền lãi K đã thu là 40.680.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/01 năm) là 5.490.411đ, số tiền thu lợi bất chính là 35.189.589đ.

Hành vi của Thành Văn K đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201 quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 01/02/2019 bị Phòng PC04 Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 05/8/2019 đã nộp phạt xong. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 19/11/2022 là 09 ngày. Theo quy định của pháp luật thì 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên bị cáo được trừ đi 27 ngày.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự “Trong thời hạn chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước”. Xét thấy bị cáo có tài sản, cần áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: 15 phong bì thư (Trong đó 12 phong bì thư có chữ viết và số; 03 phong bì thư mới nguyên); 01 quyển sổ bìa màu xanh có 06 trang giấy ghi nhận việc Thành Văn K cho vay lãi nặng; 02 giấy vay tiền của Nguyễn Văn H1 và Lê Văn V; 05 giấy biên nhận vay tiền theo mẫu để trống thông tin, đây là các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Thành Văn K nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về xử lý các khoản tiền liên quan đến vụ án:

Đối với tổng số tiền gốc Thành Văn K cho 12 người vay là 89.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng là tiền K cho anh Lê Văn V ở thôn HĐ, xã AH, huyện TD vay, anh V chưa trả. Quá trình điều tra anh V đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền trên. Trong tổng số tiền 89.000.000 đồng, có 75.000.000 đồng là tiền Thành Văn K cho 08 người vay gồm anh Lê Thanh Tùng D1 vay 50.000.000đ, anh Nguyễn Anh D2 vay 3.000.000đ, anh Nguyễn Hồng P2 vay 3.000.000đ, anh Nguyễn Văn H1 vay 3.000.000đ, anh Phùng Việt P1 vay 2.000.000đ, anh Dương Đức H2 vay 5.000.000đ, anh Nguyễn Văn C1 vay 6.000.000 đồng, anh Lê Văn V vay 3.000.000đ, đây là khoản tiền được xác định là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với tổng số tiền lãi Thành Văn K đã thu của 12 người vay là 43.040.000đ, trong tổng số tiền lãi 43.040.000đ đã thu có 40.680.000đ K thu của 08 người vay trên. Trong đó lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm) là 5.490.411đ, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm) là 35.189.589 đồng đây là khoản tiền Thành Văn K thu lợi bất chính buộc Thành Văn K phải trả lại cho 08 người, gồm anh Lê Thanh Tùng D1 số tiền 32.794.521đ; anh Nguyễn Anh D2 số tiền 801.370đ; anh Nguyễn Hồng P2 số tiền 267.123đ; anh Nguyễn Văn H1 số tiền 400.685đ; anh Phùng Việt P1 số tiền 109.041đ; anh Dương Đức H2 số tiền 222.603đ; anh Nguyễn Văn C1 số tiền 267.123đ và anh Lê Văn V số tiền 327.123đ.

Đối với số tiền gốc Thành Văn K cho anh Phạm Khương D3 vay 5.000.000đ, anh Hoàng Văn L vay 4.000.000đ, người có tên là T vay 3.000.000đ và người tên C2 vay 2.000.000đ, tổng cộng là 14.000.000đ và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm) số tiền là 268.493đ và tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm), số tiền là 2.091.507đ, K đã thu của những người trên. Do

anh D3 và anh L không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra không làm việc được với anh D3, anh L; không xác định được lai lịch người tên là T, tên là C2 để xác định tiền gốc, lãi suất vay. Do vậy chưa xác định được giao dịch này thuộc trường hợp cho vay lãi nặng nên chưa đủ căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với Thành Văn K cũng như truy thu tiền gốc, tiền lãi đối với khoản vay này. Khi nào cơ quan điều tra làm rõ đề nghị sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo Thành Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Thành Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Thành Văn K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 19/11/2022. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Thành Văn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt Thành Văn K 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) của Thành Văn K sử dụng là phương tiện phạm tội và 5.490.411đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng) tiền phát sinh từ tội phạm. Xác nhận anh Lê Văn V đã nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho Công an huyện TD, Công an huyện TD đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện TD vào tài khoản số 3949.0.1047605 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD theo giấy nộp tiền vào tài khoản giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện TD và Kho bạc Nhà nước huyện TD lập ngày 23/02/2023. Thành Văn K còn phải nộp tiếp số tiền là 77.490.411đ (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Buộc Thành Văn K trả lại cho những người đã vay tiền của K số tiền lãi K thu lợi bất chính của những người vay số tiền là 35.189.589 đồng, gồm trả cho anh Lê Thanh Tùng D1 số tiền 32.794.521đ; anh Nguyễn Anh D2 số tiền 801.370đ; anh Nguyễn Hồng P2 số tiền 267.123đ; anh Nguyễn Văn H1 số tiền 400.685đ; anh Phùng Việt P1 số tiền 109.041đ; anh Dương Đức H2 số tiền 222.603đ; anh Nguyễn Văn C1 số tiền 267.123đ và anh Lê Văn V số tiền 327.123đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí toà án, bị cáo Thành Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Trần Tiến Dũng